

Số : 03 /BG-HCQT

Cà Mau, ngày 02 tháng 04 năm 2026

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam**

Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung cấp Vải cho Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu.

- Địa chỉ: Số 06, Nguyễn Huệ, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Hành chính quản trị - Bộ phận đấu thầu

- Điện thoại: 02916 270 029

- Địa chỉ mail: [bvdkbaclieu@gmail.com](mailto:bvdkbaclieu@gmail.com).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 06, Nguyễn Huệ, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau.

- Nhận qua email: [bvdkbaclieu@gmail.com](mailto:bvdkbaclieu@gmail.com).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 06 tháng 04 năm 2026 đến trước 17h ngày 17 tháng 04 năm 2026. (trừ các ngày nghỉ, lễ)

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06 tháng 04 năm 2026.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa theo bảng sau: (Phụ lục ).

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu (số 06, Nguyễn Huệ, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau).

3. Các thông tin khác: không.

Nơi nhận:

- Như trên.

- Website bệnh viện;

- Lưu VT, HCQT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC SỬ

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CUNG CẤP VẢI CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẠC LIÊU NĂM 2026**

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ, hãng sản xuất, ký, mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
01	Vải xi xanh	<p>Vải xi xanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu xanh cổ vịt</li> <li>- Thành phần nguyên liệu : ±2 87,6% Polyester -12,4% Cotton (Bông)</li> <li>Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-11:2009</li> <li>- Mật độ (sợi/inch): ±2</li> <li>Độc: 102 - Ngang: 47</li> <li>Phương pháp thử: TCVN 1753:1986</li> <li>- Khở rộng (cm) : ≥ 153</li> <li>Phương pháp thử: TCVN 7834:2007</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>) ±2: 194</li> <li>Phương pháp thử: TCVN 8042:2009</li> <li>- Khả năng ngấm ướt của vải (S): 1</li> <li>Phương pháp thử:AATCC 79-2018</li> <li>- Độ bền màu với chất tẩy (Cấp): 4-5</li> <li>Phương pháp thử:ISO 105-N01:1993</li> <li>- Độ bền màu với ma sát (cấp):</li> <li>Khô: 4-5 - Ẩm: 4-5 - Ướt: 4-5</li> <li>Phương pháp thử:TCVN 4538:2007</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt (%):</li> <li>Độc: -1,0 - Ngang: 0</li> <li>Phương pháp thử: AATCC 135-2018</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg):</li> <li>Không phát hiện</li> <li>Phương pháp thử:ISO 14184-1:2011</li> </ul>	Việt Nam	Mét	1	
02	Vải xi trắng	<p>Vải xi trắng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu trắng tinh:</li> </ul>	Việt Nam	Mét	1	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần nguyên liệu : ±2</li> <li>87,6% Polyester - 12,4% Cotton (Bông)</li> <li>Phương pháp thử:</li> <li>ISO/TR 11827:2012</li> <li>TCVN 5465-1:2009</li> <li>TCVN 5465-11:2009</li> <li>- Mật độ (sợi/inch) ±2: Dọc: 102 - Ngang: 47</li> <li>Phương pháp thử: TCVN 1753:1986</li> <li>- Khổ rộng (cm): ≥ 153</li> <li>Phương pháp thử: TCVN 7834:2007</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>) ±2: 194</li> <li>Phương pháp thử: TCVN 8042:2009</li> <li>- Khả năng thấm ướt của vải (S): 1</li> <li>Phương pháp thử:AATCC 79-2018</li> <li>- Độ bền màu với chất tẩy (Cấp): 4-5</li> <li>Phương pháp thử:ISO 105-N01:1993</li> <li>- Độ bền màu với ma sát (cấp):</li> <li>Khô: 4-5 - Ẩm: 4-5 - Ướt: 4-5</li> <li>Phương pháp thử:TCVN 4538:2007</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt (%):</li> <li>Dọc: -1,0 - Ngang: 0</li> <li>Phương pháp thử: AATCC 135-2018</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>Phương pháp thử:ISO 14184-1:2011</li> </ul>				
03	Vải thun trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vải thun:</li> <li>- Màu trắng tinh:</li> <li>- Thành phần nguyên liệu:100% Cotton (Bông)</li> <li>Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012</li> <li>- Mật độ ±2:</li> <li>Hàng vòng/10cm: 166</li> <li>Cột vòng/10cm: 130</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (20 08)</li> <li>- Khổ rộng (cm): ≥ 160</li> <li>Phương pháp thử:ISO 22198:2006</li> <li>- Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>) ±2: 266</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D3776/D3776M-20</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) ±2: 31,0/2</li> <li>Phương pháp thử:ASTM D1059-17</li> <li>- Độ dày của vải (mm) ± 0,01: 0,69</li> <li>Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993</li> <li>- Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi</li> </ul>	Việt Nam	Mét	1	

3 EN  
ĐA  
ĐA

		<p>màu sau 4 giờ:          Khô: 4-5 - Ẩm: 4-5 - Ướt: 4-5          Phương pháp thử: ISO 105-X11:1994          - Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h          Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011</p>				
04	Vải thun xanh bóng	<p>Vải thun xanh bông:          - Màu xanh dương:          - Đặt điểm bề mặt: Bề mặt trơn mịn, bóng nhẹ (đặt biệt dưới ánh nắng), tạo cảm giác mát lạnh khi sờ          - Thành phần nguyên liệu: 100% Cotton (Bông)          Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012          - Mật độ ±2:          Hàng vòng/10cm: 166          Cột vòng/10cm: 130          Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (20 08)          Khổ rộng (cm): ≥ 160          Phương pháp thử: ISO 22198:2006          - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>) ±2: 266          Phương pháp thử: ASTM D3776/D3776M-20          - Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) ±2: 31,0/2          Phương pháp thử: ASTM D1059-17          Độ dày của vải (mm) ±0,01: 0,69          Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993          Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ:          Khô: 4-5 - Ẩm: 4-5 - Ướt: 4-5          Phương pháp thử: ISO 105-X11:1994          - Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h          Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011</p>	Việt Nam	Mét	1	
05	Vải thun xanh xốp	<p>Vải thun xanh xốp:          - Màu xanh dương:          - Đặt điểm bề mặt: Mềm, mịn không gây kích ứng da nhanh khô, kháng khuẩn          - Cấu trúc: Dệt đan các sợi tổng hợp tạo ra các bề mặt hơi nhả tự nhiên, xốp, có khoảng không khí giúp thông thoáng</p>	Việt Nam	Mét	1	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% Cotton (Bông)</li> <li>Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012</li> <li>- Mật độ: <math>\pm 2</math></li> <li>Hàng vòng/10cm: 166</li> <li>Cột vòng/10cm: 130</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (20 08)</li> <li>Khổ rộng (cm): <math>\geq 153</math></li> <li>Phương pháp thử: ISO 22198:2006</li> <li>- Khối lượng thực tế (<math>\text{g/m}^2</math>) <math>\pm 2</math>: 266</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D3776/D3776M-20</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) <math>\pm 2</math>: 31,0/2</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D1059-17</li> <li>- Độ dày của vải (mm) <math>\pm 0,01</math>: 0,69</li> <li>Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993</li> <li>Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ:</li> <li>Khô: 4-5 - Âm: 4-5 - Ướt: 4-5</li> <li>Phương pháp thử: ISO 105-X11:1994</li> <li>- Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011</li> </ul>				
06	Vải thun xanh biển tron	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vải thun xanh biển tron:</li> <li>- Màu xanh biển:</li> <li>- Đặt điểm: Chống nước tốt, nhẹ, bền, ít nhăn, nhưng có thể gây cảm giác bí khi vận động mạnh do bản chất sợi không hút nước sâu.</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 100% Cotton (Bông) hoặc 95%-96% cotton – 4-5% spandex (4 chiều co giãn tốt)</li> <li>Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012</li> <li>- Mật độ <math>\pm 2</math>:</li> <li>Hàng vòng/10cm: 166</li> <li>Cột vòng/10cm: 130</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (20 08)</li> <li>- Khổ rộng (cm): <math>\geq 160</math></li> <li>Phương pháp thử: ISO 22198:2006</li> <li>Khối lượng thực tế (<math>\text{g/m}^2</math>) <math>\pm 2</math>: 266</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D3776/D3776M-20</li> <li>Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) <math>\pm 2</math> : 31,0/2</li> <li>Phương pháp thử: ASTM D1059-17</li> <li>- Độ dày của vải (mm) <math>\pm 0,01</math>: 0,69</li> <li>Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993</li> <li>Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi</li> </ul>	Việt Nam	Mét	1	

		<p>màu sau 4 giờ:          Khô: 4-5 - Âm: 4-5 - Ướt: 4-5          Phương pháp thử: ISO 105-X11:1994          - Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h          Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011</p>				
07	Vải thun xanh hình gấu	<p>Vải thun xanh biên nhạt có hoa văn hình gấu hoặc tương tự:          - Thành phần nguyên liệu: 100% Cotton (Bông)          Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012          - Mật độ ±2:          Hàng vòng/10cm: 166          Cột vòng/10cm: 130          Phương pháp thử:          ASTM D3887-96 (20 08)          Khổ rộng (cm): ≥ 160          Phương pháp thử: ISO 22198:2006          Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): ±2 266          Phương pháp thử: ASTM D3776/D3776M-20          Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne): 30,0/2          Phương pháp thử: ASTM D1059-17          Độ dày của vải (mm) ±0,01: 0,69          Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993          Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ:          Khô: 4-5 - Âm: 4-5 - Ướt: 4-5          Phương pháp thử: ISO 105-X11:1994          - Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h          Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011</p>	Việt Nam	Mét	1	
08	Vải kate vàng	<p>Vải kate vàng          - Chất liệu: kate          - Đặc điểm: Mềm mại, bền màu ít xô lệch chịu được giặt hấp, co rút ít          Thành phần nguyên liệu: ±3          65% polyester + 35% cotton          - Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012          - Khổ rộng (cm) : ≥ 160          Phương pháp thử: TCVN 7834:2007          - Mật độ (sợi/inch) ±1: Dọc; 140 – ngang: 77          Phương pháp thử: TCVN 1753:1986          - Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>) ±1: 125          Phương pháp thử: TCVN 8042:2009          - Độ bền màu với chất tẩy: ≥ 4</p>	Việt Nam	Mét	1	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền màu với ma sát (cấp): 4-5</li> <li>- Phương pháp thử: TCVN 4538:2007</li> <li>- Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ:</li> <li>Khô: 4-5 - Ẩm: 4-5 - Ướt: 4-5</li> <li>Phương pháp thử: ISO 105-X11:1994</li> <li>- Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011</li> <li>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</li> <li>Phương pháp thử: ISO 14362-1:2017</li> </ul>				
09	Vải Kate ford (Màu hồng phấn đậm hoặc hồng cánh sen)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: 65% polyester -35% cotton hoặc với một lượng nhỏ spandex (khoảng 2-3%) để tăng độ co giãn.</li> <li>-Đặc điểm: Mềm mịn, mát lạnh, ít nhăn, co giãn nhẹ, giữ form, thoáng khí tốt và thấm hút mồ hôi cao.</li> <li>- Thành phần nguyên liệu: 65% polyester - 35%cotton ±3</li> <li>Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012</li> <li>- Khối lượng: ≥ 156 g/m<sup>2</sup></li> <li>Phương pháp thử: ISO 3801:1977</li> <li>- Mật độ sợi/inch: Dọc; 72 – ngang; 67</li> <li>Phương pháp thử: ISO 7211-2:1984</li> <li>- Khô rộng (cm) : ≥ 150</li> <li>- Độ bền màu với chất tẩy: ≥3</li> <li>Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô %: Dọc;-1,5 – ngang; -1,0</li> <li>Phương pháp thử: ISO 5077:2007 – ISO 6330:2021</li> <li>- Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011</li> <li>- Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</li> <li>Phương pháp thử: EN ISO 14362-1:2017</li> <li>- Màu sắc: Hồng phấn đậm (hoặc Cánh sen) -</li> </ul>	Việt Nam	Mét	1	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>Phương pháp thử: EN ISO 14362-1:2017</li> <li>- Màu sắc: Hồng phấn đậm (hoặc Cánh sen) -</li> </ul>				